

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 23/01/2025

*“V/v Không công nhận vợ chồng,
tranh chấp nuôi con chung”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Văn Bê

2. Bà Lê Thị Minh Khánh

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 23/01/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 292/2024/TB-TLST ngày 05/11/2024 về việc “Không công nhận vợ chồng, tranh chấp nuôi con chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 277/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/11/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 226/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23/12/2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** anh Vũ Văn T; sinh năm: 1977 (vắng mặt)

Nơi thường trú: Thôn G, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:** chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1979 (vắng mặt)

Nơi thường trú: Thôn G, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang lao động tại nước ngoài.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 28/10/2024, nguyên đơn là anh Vũ Văn T trình bày:

-Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H được tự do tìm hiểu trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương vào năm 1997 và có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng đến nay do thời gian đã lâu nên giấy đăng ký kết hôn đã bị thất lạc. Ban đầu cuộc sống vợ chồng khá hạnh phúc, nhưng càng về sau thì cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính cách của hai vợ chồng không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung. Đặc biệt kể từ năm 2022 do điều kiện kinh tế gia đình, chị H đi lao động tại nước ngoài để làm ăn thì vợ chồng càng xảy ra mâu thuẫn do khoảng cách xa xôi về địa lý khiến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt đã nhiều lần hai vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng đều không có kết quả. Đến nay vợ chồng không còn liên lạc và quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết không công nhận anh và chị Nguyễn Thị H là vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Vũ Thị Ngọc D, sinh ngày 18/02/1999 và cháu Vũ Hải N, sinh ngày 14/7/2010. Ly hôn anh đề nghị được nuôi cháu Vũ Hải N, sinh ngày 14/7/2010 còn cháu D đã trưởng thành anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do tính chất công việc nên anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh và chị Nguyễn Thị H.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H không có bản tự khai.

Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với cháu Vũ Thị Ngọc D, sinh năm 1999 trú tại thôn G, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang là con gái của chị H để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu cháu D thông báo cho chị Nguyễn Thị H biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Vũ Văn T và chị Nguyễn Thị H; yêu cầu chị H viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu cháu D cung cấp địa chỉ cụ thể của chị H. Cháu D cung cấp như sau: cháu là con đẻ của bà Nguyễn Thị H, hiện nay mẹ cháu đi lao động tại nước ngoài, vẫn thường xuyên liên lạc về cho cháu qua điện thoại và mạng xã hội, cháu đã nhận được văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo

cho mẹ cháu biết, mẹ cháu không gửi bản tự khai cho Tòa án, mẹ cháu thông tin lại như sau:

Về việc ông Vũ Văn T đề nghị Toà án không công nhận vợ chồng với bà Nguyễn Thị H thì quan điểm của bà H là đồng ý với quan điểm của ông Vũ Văn T.

Về con chung: có 02 con chung là cháu Vũ Thị Ngọc D, sinh ngày 18/02/1999 và cháu Vũ Hải N, sinh ngày 14/7/2010. Ly hôn bà Hợp đồng Ý với quan điểm của ông T, đồng ý giao cháu Vũ Hải N, sinh ngày 14/7/2010 cho ông T nuôi dưỡng, còn cháu D đã trưởng thành bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con không có ý kiến gì. Về tài sản chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/11/2024 cháu Vũ Hải N trình bày: Cháu là con bố Vũ Văn T và mẹ Nguyễn Thị H, bố mẹ cháu không ở với nhau nữa thì nguyện vọng của cháu là muốn ở với bố Vũ Văn T.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Vũ Văn Thanh vắng M và có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Nguyễn Thị H vắng mặt không có lý do.

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn anh Vũ Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt không chấp hành các quy định của pháp luật

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; Điều 53; Điều 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 8 điều 28; khoản 3 Điều 35; Điều 37; Điều 38; khoản 4 Điều 147; Điều 227; điều 273; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 272 khoản 2 Điều 479 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử .

Về hôn nhân: Không công nhận anh Vũ Văn T và chị Nguyễn Thị H là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Vũ Hải N, sinh ngày 14/7/2010 cho anh Vũ Văn T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Vũ Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về thủ tục tố tụng:** Anh Vũ Văn T là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh Vũ Văn T.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với cháu Vũ Thị Ngọc D là con gái của chị Nguyễn Thị H để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu cháu D thông báo cho chị H biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Vũ Văn T và chị Nguyễn Thị H; Yêu cầu chị H viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu cháu D cung cấp địa chỉ cụ thể của chị H ở nước ngoài. Cháu Vũ Thị Ngọc D trình bày: mẹ vẫn thường xuyên liên lạc về cho cháu. Tuy nhiên, cháu D không cung cấp địa chỉ, tin tức của chị H cho Tòa án. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Điều 10 Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị H theo thủ tục chung.

[2]. **Về thẩm quyền:** Anh Vũ Văn T là nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng giữa anh và chị Nguyễn Thị H, chị H hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 27896/QLXNC-P3 v/v cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 25/11/2024 của Cục Q- Bộ C), thì chị H đã xuất cảnh ngày 14/9/2022 hiện chưa có thông tin nhập cảnh Việt Nam. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 8 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. **Về Hôn nhân:** Anh Vũ Văn T khai anh và chị Nguyễn Thị H có đăng ký kết hôn và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương vào năm 1997 nhưng đến nay do thời gian đã lâu nên giấy đăng ký kết hôn đã bị thất lạc. Ủy ban nhân dân xã C không còn lưu trữ sổ đăng ký kết hôn năm 1997. Do vậy hôn nhân giữa anh T và chị H không phải là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh T trình bày: Sau khi tổ chức lễ cưới thì chị H về gia đình anh chung sống, ban đầu cuộc sống vợ chồng khá hạnh phúc, nhưng càng về sau thì cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung. Đến năm 2022 do điều kiện kinh tế gia đình chị H đi lao động tại nước ngoài do khoảng cách xa xôi khiến vợ chồng ngày càng xa cách, tình trạng mâu thuẫn xảy ra thường xuyên hơn, đến nay vợ chồng không còn quan tâm và liên lạc gì với nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, Điều 11, Điều 14; Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Văn T. Xử không công nhận anh Vũ Văn T và chị Nguyễn Thị H là vợ chồng.

[4]. Về con chung: Anh Vũ Văn T và chị Nguyễn Thị H có 02 con chung là cháu Vũ Thị Ngọc D, sinh ngày 18/02/1999 và cháu Vũ Hải N, sinh ngày 14/7/2010. Ly hôn anh T đề nghị giao cháu Vũ Hải N cho anh nuôi dưỡng, còn cháu Vũ Thị Ngọc D đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Xét yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Văn T về yêu cầu nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy: từ khi chị H đi nước ngoài lao động đến nay thì cháu N và cháu D vẫn ở với anh T, các cháu vẫn được anh T chăm sóc phát triển bình thường và cháu Vũ Hải N cũng có nguyện vọng muốn ở với anh T. Do đó cần giao cháu Vũ Hải N cho anh Vũ Văn T nuôi dưỡng là có căn cứ phù hợp với điều kiện thực tế và tránh xáo trộn cuộc sống bình thường của cháu. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Văn T về con chung. Giao con chung là cháu Vũ Hải N, sinh ngày 14/7/2010 cho anh Vũ Văn T là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh T do anh T không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

Trường hợp chị H về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[5]. Về tài sản chung, công nợ: Anh T xác định không có và không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Anh Vũ Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Vũ Văn T đã nộp đủ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; Điều 53; Điều 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 8 điều 28; khoản 3 Điều 35; Điều 37; Điều 38; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 273; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 272 khoản 2 Điều 479 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử .

1.Về hôn nhân: Không công nhận anh Vũ Văn T và chị Nguyễn Thị H là vợ chồng.

2.Về nuôi con chung: giao cho anh Vũ Văn T là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Vũ Hải N, sinh ngày 14/7/2010 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

3.Về án phí: anh Vũ Văn T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000162 ngày 05/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Vũ Văn T đã nộp đủ.

4.Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Nguyễn Thị H hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Vũ Văn Thanh vắng M tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội
- Cổng thông tin điện tử TATC
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Cẩm Lý, Lục Nam, Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà

.